TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 7 năm 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Điệp

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quàng Văn Tiện;

2. Bà Lường Thị Khuyển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Sơn La

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Sộng Nỏ Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 107/2025/TLST – HNGĐ, ngày 26/5/2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXX - HNGĐ ngày 23/6/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Bản T, xã S, tỉnh Sơn La (trước là bản T, xã T, huyện S, tỉnh Sơn La). Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lò Văn O, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Bản M, xã S, tỉnh Sơn La (trước là bản M, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Chị Hoàng Thị C và anh Lò Văn O kết hôn từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, hai vợ chồng có đến UBND xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (nay là xã Sông Mã, tỉnh Sơn La) để làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận kết hôn, chị đến UBND xã Nà Nghịu xin được cấp trích lục kết hôn thì được trả lời trong hồ sơ, sổ sách lưu trữ không có tài liệu nào thể hiện việc chị và anh Lò Văn O có đăng ký kết hôn nên chị không rõ hai vợ chồng đã hoàn tất thủ tục đăng ký kết hôn hay chưa. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình nhà anh O đã tự ý cắt hộ khẩu thường trú của chị khỏi hộ khẩu của gia đình, chị và anh

O ly thân nhiều năm nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn tồn tại nên làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh O.

Về con chung: Chị và anh Lò Văn O có với nhau hai người con chung là Lò Văn T, sinh ngày 17/7/2015 và Lò Thị M, sinh ngày 10/12/2016 hiện cả hai con đều đang do anh Lò Văn O trực tiếp nuôi dưỡng. Chị nhất trí để anh O tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị nhận cấp dưỡng nuôi con Lò Thị M mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị C không kê khai, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Hoàng Thị C cam kết không có nợ chung.

Ý kiến trình bày của anh Lò Văn O tại Biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 23/6/2025 như sau: Anh và chị Hoàng Thị C kết hôn với nhau từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có được lên UBND xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (nay là xã Sông Mã, tỉnh Sơn La) làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng anh chưa được nhận Giấy chứng nhận kết hôn nên anh không nhớ hai vợ chồng có đăng ký kết hôn hay không. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì mâu thuẫn và đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Chị C xin ly hôn anh cũng nhất trí. Anh và chị C có với nhau hai người con chung là Lò Văn T, sinh ngày 17/7/2015 và Lò Thị M, sinh ngày 10/12/2016 tôi đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung. Anh O không kê khai tài sản chung không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, anh O cam đoan anh và chị C không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Hoàng Thị C và anh Lò Văn O tại địa phương, xác định: Chị Hoàng Thị C và anh Lò Văn O là vợ chồng kết hôn với nhau tại bản Mung, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (nay là bản Mung, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La) vợ chồng chị C và anh O đã không còn sống chung từ lâu và chị C cũng đã cắt hộ khẩu thường trú đi sống ở nơi khác. Chị C và anh O có với nhau hai người con chung là Lò Văn T, sinh ngày 17/7/2015 và Lò Thị M, sinh ngày 10/12/2016 hiện cả hai con chung đều do anh O trực tiếp nuôi dưỡng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La tại phiên toà:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án của Tòa án Khu vực 3 – Sơn La (trước là Toà án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La được sáp nhập thành Toà án nhân dân khu vực 3- Sơn La) tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của

pháp luật.Việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị C đối với anh Lò Văn O

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị C và anh Lò Văn O.

Về con chung: Giao cháu Lò Văn T, sinh ngày 17/7/2015 và Lò Thị M, sinh ngày 10/12/2016 cho anh Lò Văn O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị C cấp dưỡng nuôi con Lò Thị M cùng anh Lò Văn O mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi con Lò Thị M đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2025. Chị Hoàng Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không được ai cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không kê khai không yêu cầu giải quyết tài sản chung và cam kết không có nợ chung. Nên không đề cập giải quyết ở vụ án này.

- Về án phí: Miễn án phí Dân sự sơ thẩm cho chị Hoàng Thị C theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3-Sơn La, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về pháp luật tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Hoàng Thị C khởi kiện yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Lò Văn O nên tại Thông báo thụ lý vụ án Toà án xác định quan hệ pháp luật là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy các đương sự chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn và tại bản tự khai nguyên đơn có đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn do vậy Toà án xác định lại quan hệ pháp luật của vụ án là *Tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn* là đúng theo theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Lò Văn O cư trú tại xã Sông Mã, tỉnh Sơn La, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 3 - Sơn La (trước là Toà án

nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hoàng Thị C và anh Lò Văn O có khai hai vợ chồng kết hôn từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có được đến UBND xã có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và cả nguyên đơn và bị đơn đều khẳng định chưa được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Kết quả xác minh tại UBND xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (nay là xã Sông Mã, tỉnh Sơn La) thể hiện: Qua kết quả rà soát trên cơ sở dữ liệu dân cư và sổ sách ghi chép từ năm 2013 cho đến nay không có tài liệu nào thể hiện việc đăng ký kết hôn giữa chị Hoàng Thị C và anh Lò Văn O, UBND xã Nà Nghịu khẳng định chị Hoàng Thị C và anh Lò Văn HO không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Do vậy, xác định chị Hoàng Thị C và anh Lò Văn O chung sống như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn. Mặc dù chị C và anh O đủ điều kiện để thực hiện việc đăng ký kết hôn, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thừa nhận cuộc hôn nhân có mâu thuẫn, chị C đề nghị Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Lò Văn O, anh O nhất trí với yêu cầu của chị C. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị C không công nhận chị Hoàng Thị C và anh Lò Văn O là vợ chồng là có căn cứ phù hợ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

Chị Hoàng Thị C và anh Lò Văn O có với nhau hai người con chung là Lò Văn T, sinh ngày 17/7/2015 và Lò Thị M, sinh ngày 10/12/2016 các con đều do anh Lò Văn O trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi hai vợ chồng ly thân cho đến nay, ý kiến của nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất tiếp tục giao cả hai con chung cho anh Lò Văn O trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Hơn nữa nguyện vọng của cháu Lò Văn T và Lò Thị M đều có ý kiến muốn được sống chung với bố Lò Văn O. Xét ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và nguyện vọng con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 15, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Do vậy, để không gây xáo trộn cuộc sống của con chung và quyền được sống với người trực tiếp nuôi dưỡng của trẻ nhỏ cần chấp nhận ý kiến của các đương sự.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù anh Lò Văn O không yêu cầu chị Hoàng Thị C cấp dưỡng nuôi con chung, tuy nhiên chị Hoàng Thị C tự nguyện nhất trí cấp dưỡng nuôi con Lò Thị M mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi Lò Thị M đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp theo quy định. Xét thấy để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của trẻ nhỏ cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không kê khai không yêu cầu giải quyết tài sản chung và cam kết không có nợ chung. Nên không đề cập giải quyết ở vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị C là dân tộc thiểu số sống vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn án phí được Toà án chấp nhận. Do vậy, được miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị C đối với anh Lò Văn O.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị C và anh Lò Văn O.

- Về con chung: Giao cháu Lò Văn T, sinh ngày 17/7/2015 và Lò Thị M, sinh ngày 10/12/2016 cho anh Lò Văn O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Hoàng Thị C cấp dưỡng nuôi con Lò Thị M cùng anh Lò Văn O mỗi tháng 1.500.000 đồng hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2025. Chị Hoàng Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không được ai cản trở.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho chị Hoàng Thị C.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị C và anh Lò Văn O được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh;
- VKSND Khu vực 3 – Sơn La;
- THADS Tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Sông Mã;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hà Thị Điệp